

Số: /BC-SNN

Đắk Nông, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2022-2031 của Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Măng

Kính gửi: UBND tỉnh Đắk Nông.

Ngày 23/5/2022, Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Măng đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2022-2031 tại Tờ trình số 07/TTr-BQL ngày 23/5/2022 và Báo cáo số 47/BC-BQL ngày 24/5/2022, về việc tiếp thu, giải trình các nội dung góp ý phương án quản lý rừng bền vững; trên cơ sở đó, Sở Nông nghiệp và PTNT đã thẩm định tại Báo cáo số 298/BC-SNN ngày 13/6/2022, tuy nhiên ngày 22/6/2022 UBND tỉnh chuyển trả hồ sơ thẩm định nêu trên (*lý do: Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Măng chưa được UBND tỉnh ban hành quyết định giao đất, rừng*).

Ngày 01/8/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1281/QĐ-UBND, ngày 10/8/2022 giao đất, rừng cho đơn vị, đồng thời thu hồi, giao một phần diện tích về địa phương quản lý; trên cơ sở đó, Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Măng điều chỉnh phương án đối với diện tích được giao quản lý và đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2022-2031, tại Tờ trình số 09/TTr-BQL. Sau khi nghiên cứu phương án đã điều chỉnh hoàn thiện theo ý kiến thẩm định của các đơn vị liên quan, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thẩm định Phương án quản lý rừng bền vững, giai đoạn 2022-2031 của Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Măng như sau:

I. Căn cứ thẩm định:

- Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008.
- Căn cứ Luật Đất đai năm 2013.
- Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017.
- Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
- Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về quy định quản lý rừng bền vững.
- Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định về các biện pháp lâm sinh.
- Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định về phân định ranh giới rừng.

- Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.

- Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, quy định loài cây trồng lâm nghiệp chính, công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

- Quyết định số 1281/QĐ-UBND, ngày 01/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc giao đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Măng để sử dụng vào mục đích quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ.

- Căn cứ ý kiến của: Sở Tài nguyên và Môi trường (*Công văn số 2910/STNMT-QHGD ngày 17/11/2021 và Công văn số 1213/STNMT-QHGD ngày 31/5/2022*), Sở Công thương (*Công văn số 1677/SCT-QLCN ngày 16/11/2021*), Sở Kế hoạch và Đầu tư (*Công văn số 269/SKH-KTN ngày 16/11/2021*); Quỹ Bảo vệ và PTR (*Công văn số 185/QBVR-KHKT ngày 15/11/2021, Công văn số 127/QBVR-KHKT ngày 26/5/2022*), Sở Tài chính (*Công văn số 1680/STC-GCS&TCĐN ngày 31/8/2022*).

II. Thông tin chung

2.1. Tên chủ rừng: Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Măng.

2.2. Địa chỉ: Thôn 2, xã Đắk Som, huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông.

2.3. Quyết định thành lập, ngành nghề kinh doanh của đơn vị chủ rừng

Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Măng được thành lập theo Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc chuyển Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Măng thành Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Măng; được UBND tỉnh giao đất, rừng tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 01/8/2022.

Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Măng là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự chủ tài chính một phần với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Bảo toàn vốn rừng hiện có và phát triển rừng.

- Duy trì giá trị sinh thái và chức năng phòng hộ đầu nguồn trong vùng dự án đã được phê duyệt.

- Sử dụng đúng mục đích, đúng ranh giới đã quy định trong quyết định phê duyệt theo quy chế quản lý rừng phòng hộ.

- Thực hiện hiệu quả về quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, trồng rừng để tăng tỷ lệ che phủ của rừng. Giải quyết việc làm tăng thu nhập cho người dân địa phương, góp phần ổn định đời sống An ninh, Chính trị - Xã hội trong khu vực.

III. Hiện trạng tài nguyên rừng, đất đai, kết quả quản lý bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

3.1. Hiện trạng tài nguyên rừng và đất đai

Vị trí, diện tích: Tổng diện tích quản lý 5.406,96 ha, gồm các Tiểu khu: 1720, 1721, 1738, 1749, 1752, 1758 và 1768, nằm trên địa giới hành chính xã Đắc R'Măng, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắk Nông.

- Quy hoạch: Rừng phòng hộ 5.406,96 ha.

- Phân theo hiện trạng:

+ Đất có rừng 3.032,11 ha, trong đó:

++ Đất rừng tự nhiên: 2.984,60 ha, gồm: Rừng thường xanh 609,03 ha; Rừng hỗn giao lá rộng và lá kim 170,41 ha; Rừng gỗ lá kim 19,08 ha; Rừng hỗn giao tre nứa 1.153,88 ha; Rừng tre nứa 1.032,2 ha;

++ Đất rừng trồng (Keo lai, Cao su...): 47,51 ha.

+ Đất chưa có rừng 2.374,85 ha, gồm: 67,07 ha đất trồng rừng chưa thành rừng; 275,03 ha đất trống không có cây gỗ tái sinh; 113,08 ha đất trống có cây gỗ tái sinh; 1.896,27 ha đất lâm nghiệp bị người dân lấn chiếm trồng cây nông nghiệp (nuông rẫy); 15,59 ha đất mặt nước; 7,81 ha đất khác.

a. Rừng tự nhiên

Tổng trữ lượng các loại rừng là 197.949,68 m³.

- Rừng thường xanh: 70.630,73 m³.

- Rừng hỗn giao lá rộng và lá kim: 14.705,49 m³.

- Rừng gỗ lá kim: 782,29 m³.

- Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa: 111.831,17 m³.

b. Rừng trồng:

Trữ lượng rừng Keo lai: 2.579,79 m³.

c. Trữ lượng tre nứa: 3.922.360 cây.

III. Mục tiêu Phương án

- Duy trì giá trị sinh thái và chức năng phòng hộ đầu nguồn của các sông, suối lớn thuộc lưu vực sông Sêrêpôk.

- Tiến hành nghiên cứu theo dõi, đánh giá rừng và tài nguyên rừng trong lâm phần Ban quản lý để xây dựng chương trình quản lý, bảo vệ lâu dài trong khu vực.

- Triển khai hỗ trợ, hợp tác chặt chẽ với phát triển kinh tế xã hội ở địa phương, nhằm thu hút người dân cùng tham gia bảo vệ và nâng cao tỷ lệ che phủ rừng trong khu vực, giảm dần sức ép của người dân sống trong rừng và gần rừng đối với tài nguyên của Ban quản lý.

- Tiến hành mô hình giáo dục, tuyên truyền vận động cộng đồng địa phương về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

IV. Kế hoạch triển khai thực hiện

4.1. Kế hoạch sử dụng đất

- Duy trì quản lý, bảo vệ diện tích rừng là rừng tự nhiên hiện có: 2.984,60 ha.

- Duy trì quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng diện tích rừng trồng (*rừng Keo lai...*) hiện có: 47,51 ha.

- Duy trì quản lý, bảo vệ, phát triển (*trồng NLKH, trồng mới, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh*) diện tích đất chưa có rừng 2.374,85 ha (*trong đó: Đất đã trồng rừng chưa thành rừng 67,07 ha; đất trống có cây gỗ tái sinh 113,08 ha; đất nương rẫy 1.896,27 ha, đất trống không có cây gỗ tái sinh 275,03 ha ha; đất mặt nước 15,59 ha; đất khác (sông, suối, đường giao thông...) 7,81 ha*).

4.2. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ

4.2.1. Khoán ổn định bảo vệ rừng

- Hình thức khoán: Khoán bảo vệ rừng tự nhiên và rừng trồng phòng hộ.
- Đối tượng: Người dân, cộng đồng (*theo quy định*).
- Diện tích: 911,22 ha (*rừng tự nhiên và rừng trồng phòng hộ*).
- Vị trí: Tiểu khu 1721, 1738 và 1749, địa giới hành chính xã Đắc R'Măng, huyện Đắc Glong.

4.2.2. Khoán theo công việc, dịch vụ

- Hình thức: Khoán trồng rừng mới, chăm sóc rừng trồng.
- Đối tượng: Người dân, cộng đồng.
- Diện tích: 2.171,30 ha; trong đó:
 - + Khoán trồng mới, chăm sóc bảo vệ rừng trồng tập trung: 275,03 ha;
 - + Khoán trồng mới, chăm sóc bảo vệ rừng trồng Nông lâm kết hợp: 1.896,27 ha.

4.3. Kế hoạch quản lý bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng và bảo tồn đa dạng sinh học

4.3.1. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

a. Quản lý, bảo vệ rừng

- Quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên hiện có: 2.984,60 ha.
- Quản lý, bảo vệ rừng trồng hiện có (*rừng Keo lai...*): 47,51 ha.
- Quản lý, bảo vệ diện tích đất chưa có rừng (*đất đã trồng rừng chưa thành rừng; đất trống có cây gỗ tái sinh; đất nương rẫy; đất trống không có cây gỗ tái sinh ...*): 2.374,85 ha.

b. Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng

- Xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng trên diện tích có rừng 3.032,11 ha (*rừng tự nhiên 2.984,60 ha; rừng trồng 47,51 ha*) và diện tích trồng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh sau khi hình thành rừng.

- Nội dung phòng cháy chữa cháy rừng: Tổ chức tuyên truyền, vận động, phối hợp các đơn vị liên quan trong công tác phòng cháy và chữa cháy rừng; đóng bảng, biển báo cấm lửa tại các khu vực rừng trồng; lập phương án

phòng cháy và chữa cháy rừng, xây dựng công trình phòng cháy và chữa cháy rừng hàng năm... theo quy định hiện hành.

c. Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng

- Cử cán bộ chuyên trách có chuyên môn theo dõi tình hình sâu bệnh hại rừng.

- Thường xuyên liên hệ với Hạt kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm và Chi cục Phát triển Nông nghiệp để nắm các thông tin dự báo về phát sinh, phát triển của sâu bệnh hại rừng, nhằm đề ra các biện pháp xử lý kịp thời và phù hợp không để sâu, bệnh hại lan ra thành dịch.

- Trang bị kiến thức và huấn luyện kỹ năng cần thiết như kỹ năng sử dụng ảnh viễn thám và vệ tinh để phát hiện sớm các sinh vật gây hại rừng..., bên cạnh đó phát huy kiến thức bản địa của người dân địa phương phục vụ công tác quản lý và cảnh báo tình hình sinh vật hại rừng.

- Lập kế hoạch hỗ trợ trang thiết bị: Xây dựng bản tin, tuyên truyền, hệ thống truyền thanh cho các cộng đồng dân cư để từ đó có các cộng tác viên địa bàn giúp quản lý tốt hơn về thực vật xâm hại.

d. Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và khu rừng có giá trị bảo tồn cao

- Xác định các khu vực cư trú quan trọng của động vật hoang dã.

- Giáo dục, đào tạo nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học và các giá trị bảo tồn đã được xác định.

- Tổ chức làm việc với các bên liên quan, phối hợp triển khai các biện pháp và hành động bảo vệ rừng có giá trị bảo tồn cao.

- Xây dựng kế hoạch quản lý các loại rừng dài hạn, trung hạn và ngắn hạn đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến động vật quý hiếm và môi trường sống của chúng.

- Thực hiện khai thác tác động thấp đối với lâm sản ngoài gỗ, giảm thiểu tác động đến sinh cảnh theo quy định.

- Tổ chức tuần tra, giám sát, ngăn chặn kịp thời các tác động tiêu cực vào rừng có giá trị bảo tồn cao.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật biến động về các loài động vật quý hiếm đã được xác định và môi trường sống của chúng. Báo cáo đánh giá định kỳ nhằm xây dựng các biện pháp quản lý bảo vệ hiệu quả.

4.3.2. Kế hoạch phát triển rừng phòng hộ

a. Phát triển rừng tự nhiên

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên.

+ Địa điểm: Trên diện tích đất trống có cây gỗ tái sinh tại các Tiểu khu 1721, 1738, 1749, 1752, 1758 - địa giới hành chính xã Đắc R'Măng, huyện Đắc G'long;

+ Diện tích: 113,08 ha;

+ Thời gian thực hiện: Năm 2022-2031.

b. Trồng rừng, chăm sóc rừng trồng

- Địa điểm: Trên diện tích đất trống thuộc Tiểu khu 1720, 1738, 1749, 1752, 1758 - địa giới hành chính xã Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong.

- Diện tích: 275,03 ha.

- Loài cây: Bao gồm cây Sao đen, Dầu, Thông ba lá, Giổi, Macca.

- Thời gian thực hiện: Năm 2022-2031.

Các hoạt động phát triển rừng phòng hộ (*phát triển rừng tự nhiên, phát triển rừng trồng*) đảm bảo quy định của Luật Lâm nghiệp 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các quy định hiện hành, không làm ảnh hưởng tiêu cực đến rừng, môi trường.

4.3.3. Khai thác lâm sản rừng phòng hộ

4.3.3.1. Vị trí, địa điểm khai thác, loài cây, phương thức khai thác lâm sản

- Đối với Lò ô, Tre, Nứa

+ Vị trí: Tiểu khu 1720, 1721, 1738, 1749, 1752, 1758 và 1768 - địa giới hành chính xã Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong;

+ Loài cây: Lò ô, Tre, Nứa;

+ Diện tích dự kiến: 97,2 ha/năm;

+ Sản lượng khai thác: 201,2 nghìn cây/năm;

+ Phương thức: Khai thác chọn hàng năm;

+ Thời gian thực hiện: Năm 2023-2031.

- Khai thác thác nấm, cây Giảo cổ lam, Nhân trần, mật ong và các loại cây dược liệu khác:

+ Diện tích dự kiến: 596,9 ha/năm;

+ Sản lượng dự kiến: 238,8 tấn/năm;

+ Địa điểm: Trên toàn bộ lâm phần;

+ Phương thức: Khai thác chọn hàng năm;

+ Thời gian thực hiện: Năm 2023-2031.

4.3.3.2. Công nghệ khai thác:

- Đối với khai thác lò ô, tre, nứa: Khai thác thủ công sử dụng dao, câu liềm.

- Đối với khai thác nấm, Song mây và các loại cây dược liệu: Khai thác thủ công sử dụng dao.

- Đường vận xuất, vận chuyển: Tận dụng hệ thống đường hiện có.

4.3.3.3. Tổ chức khai thác: Ban quản lý xây dựng phương án, hồ sơ, khai thác theo đúng các quy trình, quy phạm hiện hành.

4.3.4. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên sâu về công tác QLBRV, điều tra quy hoạch rừng: 01 người/năm.

- Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng; công tác phòng cháy chữa cháy rừng: 02 đợt/năm.

- Tập huấn theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, kiểm kê rừng....: 01 đợt/năm.

4.3.5. Sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp

- Địa điểm: Trên diện tích đất lâm nghiệp bị người dân lấn chiếm trồng cây nông nghiệp (đất nương rẫy) tại Tiểu khu 1720, 1721, 1738, 1749, 1752, 1758 và 1768 - địa giới hành chính xã Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- Diện tích thực hiện: 1.896,27 ha.

- Loài cây trồng: Trồng rừng (Sao đen, Dầu, Bời lời, Mắc Ca, Giỏi) kết hợp với trồng xen các cây nông nghiệp (trồng Cà phê, Bơ, Cam, Quýt, Sầu riêng... và các cây hàng năm khác: Đậu, Bắp, Bí, Khoai lang và các cây dược liệu ...).

- Hình thức: Chủ rừng tự tổ chức sản xuất; liên kết thực hiện hoặc giao khoán cho các hộ dân theo quy định hiện hành.

- Thời gian thực hiện: Năm 2022-2031.

4.3.6. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng

- Sửa chữa, nâng cấp hội trường, phòng làm việc..., khối lượng dự kiến thực hiện 150 m².

- Xây mới Trạm QLVR số 1, 2 với diện tích dự kiến 120 m²/trạm.

- Sửa chữa, nâng cấp đường lâm nghiệp 35 km.

- Xây mới chòi canh lửa tại Trạm QLVR số 1, 2: 02 chòi.

- Làm mới bảng dự báo cấp cháy rừng: 07 cái.

- Xây mới bảng nội quy, tuyên truyền (3*3m): 04 cái.

- Sửa chữa bảng nội quy, tuyên truyền (3*3 m): 03 cái.

- Làm mới biển cấm lửa bằng Tole hình tam giác: 30 cái/năm.

- Làm mới bảng tuyên truyền bằng tole (60*80cm): 40 cái/năm.

- Thời gian thực hiện: Năm 2022-2031.

4.3.7. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng

a. Các dịch vụ cho cộng đồng

- Xây dựng mô hình sản xuất nông lâm ngư nghiệp; mô hình phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn các giá trị truyền thống của người dân; phát triển dược liệu dưới tán rừng gắn với quản lý bảo vệ rừng.

- Tuyên truyền giáo dục môi trường cho các trường học.

b. Hình thức tổ chức thực hiện

Theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

4.3.8. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng

a. Các dịch vụ được tiến hành

- Tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng từ các nhà máy thủy điện.
- Tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng từ các cơ sở kinh doanh du lịch sinh thái có sử dụng nguồn nước.
- Tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng từ các cơ sở sản xuất nước sạch.
- Tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái và các dịch vụ môi trường rừng khác.

b. Tổ chức triển khai, thực hiện

Theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

4.3.9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

- Tổ chức các đợt tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.
- Biểu dương những cộng đồng và người dân địa phương tham gia tích cực và chấp hành tốt trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

4.3.10. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng

Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng, việc theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, điều tra, kiểm kê rừng phải được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

V. Nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư

5.1. Tổng hợp nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn đầu tư xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững cho cả giai đoạn 2022-2031: 137.428.870.000 đồng (*Một trăm ba mươi bảy tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng*).

5.2. Nguồn vốn đầu tư

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong công tác trồng rừng và quản lý bảo vệ rừng giai đoạn 2022-2031: 98.896.559.000 đồng (*Chín mươi tám tỷ, tám trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm năm chín nghìn đồng*).
- Nguồn vốn từ thu tiền tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2022-2031: 17.586.238.000 đồng (*Mười bảy tỷ, năm trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*).
- Nguồn vốn kêu gọi đầu tư từ các tổ chức cá nhân tham gia vào phát triển rừng giai đoạn 2022-2031: 20.946.073.000 đồng (*Hai mươi tỷ, chín trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

VI. Kết luận, kiến nghị

6.1. Kết luận:

Phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Măng giai đoạn 2022-2031, xây dựng theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTN ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các quy định hiện hành.

Phương án trên đã thể hiện các nội dung, các bước công việc, kế hoạch triển khai cho giai đoạn 2022-2031. Quá trình thực hiện Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Măng phải xây dựng dự án, đề án, kế hoạch, hồ sơ thiết kế... theo đúng quy định của pháp luật cho từng hạng mục cụ thể, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh đối với số liệu, các hạng mục của phương án.

6.2. Kiến nghị:

Đề nghị Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Măng rà soát các hồ sơ pháp lý liên quan giao đất, rừng, đặc biệt là lĩnh vực lâm nghiệp để hoàn thiện theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo thẩm định Phương án quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Măng giai đoạn 2022-2031, kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định *(Có dự thảo Quyết định kèm theo)*./.

Nơi nhận:

- Như trên (b/c);
- Giám đốc, PGĐ: Lê Quang Dân (b/c);
- Chi cục Kiểm lâm (p/h);
- UBND huyện Đăk G'long (p/h);
- Hạt Kiểm lâm huyện Đăk G'long(p/h);
- Ban quản lý rừng phòng hộ Đăk Măng (t/h);
- Lưu: VT, SDR-CCKL./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quang Dân